TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 02 - 2024
V/v ly hôn Thắm - Hưng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thể Phượng.

Bà Nguyễn Thuý Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2023/TLST - HNGĐ ngày 02/11/2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1996.

Trú tại: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Hồ Bảo H, sinh năm 1993.

Trú tại: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023 nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Hôn nhân của bà T, ông H do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 04 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và đi làm công nhân tại Bình Dương, sống hạnh phúc đến khi bà T mang bầu đứa con đầu tiên, vất vả, mệt mỏi trong người nên bà T không đi làm được từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà T cố gắng hàn gắn tình cảm đến khi mang bầu đứa con thứ hai thì tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi, việc nuôi con ăn học một mình bà T lo liệu, ông H không cho bà T và hai con nhập chung hộ khẩu về P, sau đó dịch covid bùng phát

bà T bỏ về Thanh Hoá sống, ông H bỏ về P từ đó vợ chồng không qua lại, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không gặp mặt và cũng không điện thoại qua lại hỏi thăm nhau, tình cảm vợ chồng vì thế dần phai nhạt, nay tình cảm không còn bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Vợ chồng có 02 người con chung tên Hồ Thị Bảo T1, sinh ngày 20/11/2015 và Hồ Bảo A, sinh ngày 25/08/2017 con chung hiện tại đang sống chung với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Hồ Bảo H vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được đại diện ấp P, xã P cung cấp thông tin: Ông Hồ Bảo H, sinh năm 1993 có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P tuy nhiên hiện tại ông H không có mặt tại địa phương do đi làm xa, về tình trạng hôn nhân thì không rõ do ông H, bà T không sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Ông H không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà T được ly hôn ông H. Giao con chung Hồ Thị Bảo T1, sinh ngày 20/11/2015 và Hồ Bảo A, sinh ngày 25/08/2017 cho bà T nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông H nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1 Về hôn nhân: bà T và ông H tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn năm 2015 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bà T cho rằng ông

H không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm ăn, kinh tế gia đình chỉ một mình bà T lo liệu, vợ chồng vì thế hay cải nhau, ông H, bà T ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà T xin ly hôn ông H.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*….". Thế nhưng vợ chồng ông H, bà T không còn chung sống khoảng 03 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà T được ly hôn ông H.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung tên Hồ Thị Bảo T1, sinh ngày 20/11/2015 và Hồ Bảo A, sinh ngày 25/08/2017, con chung đang sống chung bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Xét từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với bà T, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu T1, cháu A cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H vắng mặt, không yêu cầu nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Bà T trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T

Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Hồ Bảo H.

Về con chung: Giao con chung Hồ Thị Bảo T1, sinh ngày 20/11/2015 và Hồ Bảo A, sinh ngày 25/08/2017 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. ông H không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006668 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm án phí.

Ông H không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông H, bà T vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo